TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 06 – 4 - 2022
V/v Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hiền

2. Ông Trịnh Ngọc Thanh

Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/4/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc Ly hôn, nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/02/2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn T, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị Bích M, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Anh Trịnh Văn T ngày 04/11/2021và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh Trịnh Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị M kết hôn do hai bên tự nguyện, có thời gian tìm hiểu 02 năm, và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ngày 23/7/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 09 năm. Đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng xảy ra cải nhau. Sau khi sự việc xảy ra đã được gia đình đã phân tích, khuyên giải nhưng tình cảm

vợ chồng không thể cải thiện được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, nên anh làm đơn xin ly hôn chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Hải D, sinh ngày 19/02/2011 và cháu Trịnh Đăng K, sinh ngày 28/4/2012. Hiện nay, con khỏe mạnh bình thường đang ở với anh. Vợ chồng ly hôn, anh T có nguyện vọng nuôi cả hai con, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/12/2021 và quá trình giải quyết, xét xử, bị đơn chị Trịnh Thị Bích M trình bầy như sau:

Về quá trình kết hôn, chị công nhận ý kiến trình bày của anh T là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống không được hạnh phúc, nhưng chị là người vợ vẫn cố gắng vun vén chăm lo cuộc sống gia đình nên vợ chồng vẫn sống bình thường. Đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời cờ bạc, chị đã phân tích nhưng anh T không nghe. Chị đã nói hai gia đình hòa giải nhưng anh T vẫn không thay đổi mà còn đánh đập chị nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 không ai quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T làm đơn xin ly hôn chị M đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Hải D, sinh ngày 19/02/2011 và cháu Trịnh Đăng K, sinh ngày 28/4/2012. Hiện nay, con khỏe mạnh bình thường đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu Trịnh Hải D, còn cháu Trịnh Đăng K giao anh T nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, nên không yêu cầu tòa án giải quyết

Tại phiên tòa: Anh T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và nuôi hai con, nếu không được nuôi hai con thì anh xin nuôi cháu D. Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết. Chị M bị nhiễm Co vid – 19 nên xin vắng mặt tại phiên tòa. Nguyện vọng chị M thống nhất ly hôn và xin nuôi cháu Trịnh Hải D, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia

đình; Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật TTDS; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết: Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, xử cho anh Trịnh Văn T được ly hôn chị Trịnh Thị Bích M; Về con chung: Giao cháu Trịnh Hải D, sinh ngày 19/02/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trịnh Đăng K, sinh ngày 28/4/2012 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị M là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn: Chị M có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị M là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị M là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Anh T và chị M sống ly thân hơn 03 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị M đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay anh T xin ly hôn, về phía chị M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Như vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

Về con chung: Anh T và chị M có 02 con chung là Trịnh Hải D, sinh ngày 19/02/2011 và cháu Trịnh Đăng K, sinh ngày 28/4/2012. Nguyện vọng của anh T xin được trực tiếp nuôi cháu D và cháu K và chị M xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D.

HĐXX xét thấy: Nguyện vọng xin nuôi con của anh T và chị M là chính đáng, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng phải xem xét đến nhiều yếu tố, miễn sao đảm bảo cho con trẻ có được cuộc sống ổn định, có điều kiện để con trẻ phát triển đầy đủ về thể chất cũng như tâm sinh lý trẻ thơ. Bố mẹ cũng đảm bảo được quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét điều kiện nuôi con của hai bên thì thấy: Anh T và chị M đều có công ăn việc làm và có thu nhập, ai cũng đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho anh T nuôi cả hai cháu theo nguyện vọng của anh T sẽ là gánh nặng cho anh T, trong khi thu nhập hằng tháng của anh T thấp hơn chị M. Thực tế hiện tại anh T phải đi làm ăn xa tại Hải Phòng, hằng ngày các cháu sống chủ yếu với ông bà nội. Do vậy, để đảm bảo quyền nuôi con của mỗi bên và lợi ích chính đáng của con trẻ và nguyện vọng nuôi con của mỗi bên trong trường hợp này nên giao cho mỗi người nuôi một con anh T nuôi con đầu, chị M nuôi con thứ hai là phù hợp. Sau này con lớn nếu anh T muốn nuôi cả hai con thì sẽ làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản và công nợ chung: Anh T và chị M trình bầy vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Về án phí: Anh T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử:*

Về Hôn nhân: Chấp nhận Anh Trịnh Văn T được ly hôn chị Trịnh Thị Bích M.

Về con chung: Anh T và chị M có 02 con chung. Giao cháu Trịnh Hải D, sinh ngày 19/02/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trịnh Đăng K, sinh ngày 28/4/2012 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hai bên không yêu cầu.

Anh T và chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh Trịnh Văn T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn)* mà anh T đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Theo Biên lai thu số AA/2021/0003295 ngày 05/11/2021. Chấp nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho anh T trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Chị M vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND Y, Yên Định;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng